TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CAI LẬY** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **48**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08/6/2023
V/V tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Phồi

2. Ông Võ Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Xuân Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trân Quốc Vương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 326/2022/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Bà A, sinh năm 1989;
Địa chỉ: TK 34/13, Nguyễn Cảnh Chân, phường A1, quận A2, thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chi nguyên đơn bà A là ông C – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư C – Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ: số 27A, Mai Hắc Đế, phường C1, quận C2, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông B, sinh năm 1988;
Địa chỉ: ấp B1, xã B2, thị xã B3, tỉnh Tiền Giang.

(Bà A, ông C, ông B có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 30/11/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông B do quen biết và được gia đình hai bên đồng ý, bà và ông B tổ chức đám cưới vào năm 2014, không đăng ký kết hôn vì ông B cứ hẹn lần hẹn lựa ông B nói bận đi làm nên cho đến nay thì bà và ông B vẫn chưa có đăng ký kết hôn. Sau khi đám cưới thì bà và ông B sống chung với

cha mẹ ruột của ông B ở ấp B1, xã B2, thị xã B3, tỉnh Tiền Giang. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến khoảng 02/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông B có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài. Bà và ông B đã ly thân không còn sống chung và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ 05/12/2019 cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông B.

Về con chung: có 02 con chung tên D, sinh ngày 04/02/2016 và Đ, sinh ngày 05/11/2019. Hiện hai con chung đang ở với bà A. Khi ly hôn bà A yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con 3.500.000 đồng/01 tháng/01 con chung cho đến khi con chung thành niên, có khả năng lao động. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2023 cho đến khi con chung thành niên khả năng lao động được.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà A tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông B trình bày:

Về hôn nhân: ông thống nhất với lời trình bày của bà A, ông và bà A chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Nay ông cũng đồng ý với yêu cầu của bà A là yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà A.

Về con chung: có hai người con chung như bà A trình bày là đúng. Khi ly hôn ông đồng ý giao hai con chung cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng. Ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con 3.500.000 đồng/01 con/01 tháng thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 6/2023 cho đến khi hai con chung thành niên và có khả năng lao động được.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: ông B đồng ý theo lời trình bày của bà A.

** Trong quá trình giải quyết vụ án người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà A là ông C trình bày:*

Ông thống nhất lời trình bày của bà A, ông B. Ông không có ý kiến trình bày gì thêm.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 như: Thẩm quyền thụ lý vụ án đúng theo quy định tại Điều 28, 35. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân

theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị hội đồng xét xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà A và ông B.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu D, sinh ngày 04/02/2016 và Đ, sinh ngày 05/11/2019 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng; ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.500.000 đồng/tháng/01 con chung, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 6 năm 2023 cho đến khi cháu D, cháu Đ thành niên và có khả năng lao động; ông B có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà A và ông B thống nhất không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết.

Về án phí: bà A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, nuôi con", bị đơn ông B có hộ khẩu thường trú tại ấp B1, xã B2, thị xã B3, tỉnh Tiền Giang căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà A, bị đơn ông B, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là ông C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bà A, ông B, ông C tại phiên tòa là phù hợp.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông B chung sống vợ chồng vào năm 2014, nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp. Nên pháp luật không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà A và ông B.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống bà A và ông B có 02 con chung tên D, sinh ngày 04/02/2016 và Đ, sinh ngày 05/11/2019. Bà A và ông B thỏa thuận giao con chung D và Đ cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng; ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.500.000 đồng/tháng/01 con chung, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 6 năm 2023 cho đến khi cháu D, cháu Đ thành niên và có khả năng

lao động; ông B có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: bà A và ông B thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí*:* Bà A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét, ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà A và ông B.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu D, sinh ngày 04/02/2016 và Đ, sinh ngày 05/11/2019 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng; ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.500.000 đồng/tháng/01 con chung, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 6 năm 2023 cho đến khi cháu D, cháu Đ thành niên và có khả năng lao động.

Ông B có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày bà A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông B chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3.Về án phí: Bà A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Bà A đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0018281 ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Nên bà A phải nộp thêm 150.000 đồng án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Kim Thoa